

Số: *26* /2016/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *11* tháng *8* năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định việc thu nộp, quản lý, sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2748/TTr-STC ngày 23 tháng 8 năm 2016, Báo cáo số 183/BC-STP ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc thu nộp, quản lý, sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2016 và thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về định mức kinh phí để cải tạo lớp đất mặt khi chuyển đổi đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Công Thương; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Tư pháp;
 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - Sở Tư pháp;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, KT, CNN, TH.
- Trình họ/QĐ.T8/40b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH**



Vũ Hồng Bắc

QUY ĐỊNH

**Việc thu nộp, quản lý, sử dụng kinh phí để bảo vệ,
phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước
sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2016/QĐ-UBND ngày 11 / 8 /2016 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc thu nộp, quản lý, sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 3. Kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (gọi chung là người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất) để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai và phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

2. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa bằng 50% giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhân (x) với diện tích đất chuyển đổi mục đích tại địa bàn xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

Mức thu tiền bảo vệ,
phát triển đất trồng lúa = 50% x Giá đất trồng lúa x Diện tích đất

Trong đó:

a) Giá đất trồng lúa: Là mức giá được quy định theo từng vị trí tại quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo từng giai đoạn.

b) Diện tích đất: Là diện tích đất chuyên trồng lúa được phép chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp theo quy hoạch của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt, thu nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm thực hiện các bước công việc sau:

a) Căn cứ diện tích đất chuyên trồng lúa nước được phép chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp theo quy hoạch của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất lập bảng kê số tiền phải nộp để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định phê duyệt số tiền phải nộp để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất phải lập bản kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp để nộp vào ngân sách nhà nước cấp tỉnh, tài khoản số 7111.

c) Sau khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước, gửi một bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) chứng từ nộp tiền đến Sở Tài chính để theo dõi, một bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) chứng từ nộp tiền đến Sở Tài nguyên và Môi trường để làm căn cứ thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phê duyệt số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa mà người được giao đất, cho thuê đất phải nộp theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

3. Kho bạc Nhà nước căn cứ bản kê khai và số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nộp, thực hiện thu vào ngân sách cấp tỉnh, tài khoản số 7111 và hạch toán vào mục lục ngân sách, mục thu khác, tiểu mục 4914.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa ngoài thực địa để lập phương án và nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước; kiểm tra số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo chứng từ nộp tiền do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất cung cấp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

5. Số tiền người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp không được tính đối trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất của dự án được giao, mà được tính vào chi phí đầu tư của dự án.

Điều 5. Quản lý và sử dụng số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Số tiền thu được theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này và nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP được sử dụng để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phù hợp với điều kiện của địa phương theo nội dung quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 18/2016/TT-BTC.

2. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 18/2016/TT-BTC và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện từ ngày 22 tháng 8 năm 2016 theo quy định tại Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII, Kỳ họp thứ 2.

2. Đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước đã được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trước ngày 22 tháng 8 năm 2016, đã có Quyết định phê duyệt kinh phí cải tạo lớp đất mặt theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về định mức kinh phí để cải tạo lớp đất mặt khi chuyển đổi đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã phê duyệt.

3. Đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước đã được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trước ngày 22 tháng 8 năm 2016, chưa có Quyết định phê duyệt kinh phí cải tạo lớp đất mặt theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND nhưng được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép chậm nộp kinh phí cải tạo lớp đất mặt tại thời điểm Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành thì thực hiện phê duyệt và nộp tiền theo mức quy định tại Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước đã được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trước ngày 22 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa có Quyết định phê duyệt kinh phí cải tạo lớp đất mặt theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND, không có văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép chậm nộp thì thực hiện nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định này.

Điều 7. Chế độ báo cáo hằng năm

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp diện tích đất chuyên trồng lúa đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp; số tiền người được giao đất, cho thuê đất đã nộp gửi Sở Tài chính.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp phương án và kết quả sử dụng số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa gửi Sở Tài chính.

3. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 8. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo quy định. *1. áp dụng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Vũ Hồng Bắc